

## “TRIẾT HỌC CỦA CÁCH MẠNG” (HAY THÁI ĐỘ CỦA GI.P.XÁC TÔRƠ ĐỐI VỚI CHỦ NGHĨA DUY VẬT VÀ BIỆN CHỨNG CỦA TỰ NHIÊN)

NGUYỄN THANH (\*)

**Tóm tắt:** Với khát vọng vượt lên trên sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm, Gi.P.Xác Tơrơ chủ trương xây dựng một thứ triết học mới với tư cách lý luận hành động cách mạng nhằm cải tạo triệt để các cơ cấu kinh tế - xã hội và làm cho con người trở nên thực sự tự do. Với ông, chủ nghĩa duy vật không thể đóng vai trò là “triết học của cách mạng”, vì nó không hiểu được sự “siêu việt hoá” hoàn cảnh của con người. Phủ định biện chứng của tự nhiên dựa trên cơ sở của những dữ liệu kinh nghiệm, ông đã tự bộc lộ sự khiếm khuyết trong quan niệm về vật chất và vận động. Với Gi.P.Xác Tơrơ, sự tồn tại chủ nghĩa duy vật với tư cách phép biện chứng về tự nhiên là điều không thể, nhưng với tư cách học thuyết về biện chứng của xã hội thì đó lại là điều có thể. Phủ định vai trò của cả chủ nghĩa duy vật lẫn phép biện chứng, triết học hiện sinh dựa trên nguyên lý “Tồn tại có trước bản chất” của Gi.P.Xác Tơrơ chỉ góp phần khẳng định vai trò tích cực của con người, chứ không thể trở thành “triết học của cách mạng” theo nghĩa đích thực của nó.

Mỗi nhà triết học đều cố gắng đưa ra một quan điểm triết học độc đáo của riêng mình và điều quan trọng nhất, quan điểm ấy phải vượt lên trên các quan điểm triết học trước đó. Nhiều nhà triết học đã từng có tham vọng khắc phục sự đối lập cơ bản giữa chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật trong tiến trình phát triển của triết học bằng cách xây dựng một thứ triết học đứng lên trên hai khuynh hướng triết học này, “vượt bỏ” chúng. Gi.P.Xác Tơrơ không phải là một ngoại lệ, nhưng cách đặt vấn đề ở ông có nhiều điểm thú vị, đáng quan tâm. Trong bài viết này, chúng ta sẽ cùng nhau xem xét vấn đề này - vấn đề mà Gi.P.Xác Tơrơ gọi là “triết học của cách mạng”.

Ngay trong các tác phẩm đầu tiên sau Chiến tranh thế giới thứ hai(1), Gi.P.Xác Tơrơ đã tự đặt ra cho mình mục đích xây dựng một thứ triết học mới, thứ triết học khác biệt với tất cả các triết học trước đó nhưng lại đồng thời là sự tổng hợp các xu hướng triết học khác nhau. Mong muốn có từ lâu nhằm vượt lên trên sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm đã có được một hình thức

biểu hiện mới, mang một sắc thái chính trị nhất định ở Gi.P.Xác Tơrơ. Ông viết: “Chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật đều loại bỏ thực tại. Chủ nghĩa duy tâm thủ tiêu sự vật, còn chủ nghĩa duy vật thì thủ tiêu tính chủ quan. Để thực tại được mở ra thì con người cần phải đấu tranh chống lại nó. Tóm lại, chủ nghĩa duy thực của nhà cách mạng đòi hỏi phải thừa nhận sự tồn tại của thế giới và của tính chủ quan; hơn nữa, nó đòi hỏi một sự phù hợp giữa chúng tới mức không thể hiểu được tính chủ quan ở bên ngoài thế giới, còn thế giới thì không được soi rọi nhờ những nỗ lực chủ quan”(2).

Đối với Gi.P.Xác Tơrơ, triết học mới phải trở thành lý luận hành động cách mạng. Việc xây dựng thứ triết học này là cần thiết để đạt tới mục đích chính trị và xã hội đã được xác định như một cuộc cách mạng toàn diện. Rằng, triết học này phải cải tạo triệt để các cơ cấu kinh tế - xã hội và làm cho con người trở nên thực sự tự

(\*) Tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

(1) Xem: Gi.P.Xác Tơrơ. *Chủ nghĩa duy vật và cách mạng*. Paris, 1946.

(2) Gi.P.Xác Tơrơ. *Tinh huống III*. Paris, 1947, tr.213.

do. Xáctơ viết: “Trong các tác phẩm của mình, chúng tôi phải đồng thời đấu tranh cho tự do cá nhân và cho cách mạng xã hội chủ nghĩa. Người ta thường khẳng định rằng, không thể dung hoà hai cuộc đấu tranh này, song nhiệm vụ của chúng tôi là không ngừng chứng minh sự cần thiết lẫn nhau của chúng... Do vậy, cần dạy cho một số người biết rằng, vương quốc của mục đích không thể được thực hiện *thiếu cách mạng*, và cho số khác biết, cách mạng chỉ có thể diễn ra khi nó tạo điều kiện cho vương quốc của mục đích được thực hiện”(3). “Vương quốc của mục đích” mà Xáctơ nói ở đây là một xã hội mới, trong đó hành động của con người không phải do tính tất yếu bên ngoài mà do các mục đích được tự giác lựa chọn quy định(4).

Sở dĩ Xáctơ quan tâm đến chủ nghĩa duy vật là bởi, theo ông, trong bối cảnh hiện tồn, những người trẻ tuổi luôn buộc phải lựa chọn giữa hai khuynh hướng triết học đối lập nhau, mà nhiều người khi “quan niệm những nguyên lý của chủ nghĩa duy vật là sai lầm về mặt triết học..., song cũng ra sức phản đối việc người ta thúc ép họ đến với chủ nghĩa duy tâm”. Và với họ, chủ nghĩa duy vật “không phải là thứ triết học chặt chẽ, mà là tư tưởng khá mơ hồ, có chức năng che đậy hiện thực hay hoà tan nó vào tư tưởng”(5). Rằng, “Vì thực sự thành tâm, nên họ muốn xác lập chế độ xã hội chủ nghĩa và sẵn sàng phục vụ cách mạng với toàn bộ sức thanh xuân của mình. Họ coi phương tiện trợ giúp duy nhất là tranh luận với họ xem chủ nghĩa duy vật và huyền thoại về tính khách quan có thực sự cần thiết cho sự nghiệp cách mạng hay không, có hay không sự tách rời giữa hoạt động của nhà cách mạng và hệ tư tưởng của ông ta”(6). Với suy nghĩ này, Xáctơ đã chuyển từ việc xây dựng “triết học của cách mạng” sang việc phê phán chủ nghĩa duy vật. Thủ thuật phê phán này không có gì mới, mặc dù chúng ta ít thấy. Những người phê

phán chủ nghĩa duy vật thường bác bỏ nó chính là vì nó đóng vai trò “cách mạng” trong xã hội do được sử dụng làm căn cứ lý luận để luận chứng cho sự cần thiết phải đấu tranh chống lại chế độ hiện tồn. Xáctơ hoàn toàn không phủ định mối liên hệ giữa chủ nghĩa duy vật và cuộc đấu tranh giải phóng. Theo ông, chủ nghĩa duy vật là triết học của “những người đau khổ về thể xác, quá hiểu cái đói, bệnh tật, lao động chân tay và tất cả những gì có thể dẫn tới cái chết của con người”(7). Rằng, nếu xem xét “niềm tin duy vật (!) không phải về mặt nội dung, mà về mặt lịch sử của nó, như một hiện tượng xã hội”, chúng ta sẽ thấy “nó không phải là ý muốn nhất thời của giới trí thức, là sai lầm giản đơn của các nhà triết học” và dẫu sao, “niềm tin ấy vẫn gắn liền với lập trường cách mạng”(8). Với quan niệm này, Xáctơ thừa nhận “chủ nghĩa duy vật hiện nay là triết học của giai cấp vô sản ở chừng mực giai cấp vô sản có tinh thần cách mạng”(9).

Tuy nhiên, như cố Giáo sư Trần Đức Thảo đã nhận xét, việc Xáctơ “không thấy được giá trị của chủ nghĩa Mác về mặt chính trị và mặt lịch sử – xã hội” lại chính là bằng chứng không những về tính chân thực của triết học duy vật, mà còn về vai trò cách mạng của nó trong tương lai(10). Coi chủ nghĩa duy vật như là “huyền thoại” có khả năng phát động quần chúng đấu tranh nhờ “những sai lầm” của nó, Xáctơ còn cho rằng, đặc điểm nổi bật của chủ nghĩa duy vật là ở chỗ, nó lý giải cái cao hơn thông qua cái thấp hơn, chẳng hạn, tư duy thông qua các cơ cấu sinh –

(3) Gi.P.Xáctơ. *Tình huống II*. Sđd., tr.298.

(4) Xem: Gi.P.Xáctơ. *Tình huống III*. Sđd., tr.135 - 136.

(5) Gi.P.Xáctơ. *Tình huống III*. Sđd., tr.137.

(6) Gi.P.Xáctơ. *Tình huống III*. Sđd., tr.138.

(7) Gi.P.Xáctơ. *Tình huống III*. Sđd., tr.163.

(8) Gi.P.Xáctơ. *Tình huống III*. Sđd., tr.173-174.

(9) Gi.P.Xáctơ. *Tình huống III*. Sđd., tr.174.

(10) Trần Đức Thảo. *Sự hình thành con người*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004, tr.140.

oá. Làm như vậy là triết học duy vật muốn các giai cấp dưới nhận ra ý nghĩa vô cùng quan trọng của nó trong xã hội, nhận ra sự lệ thuộc của các giai cấp cao hơn vào húng. Khi khẳng định vạn vật trong thế giới đều được quy định về mặt nhân quả, chủ nghĩa duy vật đã đem lại cho người nô lệ tư tưởng về sự bình đẳng của họ với chủ. Và, cuối cùng, nguyên lý nhân quả của chủ nghĩa duy vật còn dạy cho con người cách xem xét hành động cách mạng như là hành động do chính thực tại khách quan quy định và do vậy, mang tính tất yếu. Từ đó, ông rút ra kết luận: “Tôi sẵn sàng coi chủ nghĩa duy vật là tính chủ quan của những kẻ vẫn lấy làm xấu hổ về tính chủ quan của mình”(11).

Theo Xác-tơ-rơ, vào thời của ông, tiềm năng cách mạng của chủ nghĩa duy vật đã cạn. Rằng, nó chỉ có thể đóng vai trò cách mạng khi sự sáng tạo cách mạng của quần chúng là hữu hạn và khi họ không đặt ra cho mình nhiệm vụ cải tạo triết để toàn bộ hoàn cảnh hiện tồn. Thời hiện đại đã đặt ra nhiệm vụ này. Với quan niệm này, ông đã đặt ra cho mình một câu hỏi mà, về thực chất, là lời khẳng định dứt khoát: “Điều gì sẽ diễn ra, nếu chủ nghĩa duy vật bỗng đứng chối bỏ dự án cách mạng?”(12).

Xác-tơ-rơ đã cố gắng luận chứng cho luận điểm coi chủ nghĩa duy vật là cái không thể đóng vai trò “triết học của cách mạng” bằng cách phân tích bản chất của hành vi cách mạng. Đặt hành vi cách mạng trong khuôn khổ của vấn đề chung hơn là hoạt động cải tạo của con người, trong các tác phẩm thời hậu chiến, Xác-tơ-rơ đã đưa ra một cách tiếp cận mới, hiện thực hơn với việc khảo cứu hoạt động hướng đích. Đối tượng phân tích của ông không những là việc đặt ra mục đích và kết quả cuối cùng của hoạt động hướng đích, mà còn là lao động, là thực tiễn của con người. Xác-tơ-rơ không dấu diếm rằng, ông quan tâm đến các thành tố quan trọng nhất này của hoạt động hướng đích là nhờ đọc các tác phẩm

của C.Mác và tiếp thu khái niệm “thực tiễn cách mạng” của C.Mác. Trên quan điểm này, ông đã xem xét lại những khái niệm cơ bản của triết học hiện sinh, như cơ cấu, sự lựa chọn, hiện sinh. Về khái niệm “cơ cấu”, ông cho rằng, “con người được xác định thông qua cơ cấu của nó. Thực thể vật chất này thường xuyên vượt lên trên hoàn cảnh do nó tạo ra; nó làm ra và quyết định hoàn cảnh của mình, siêu việt hoá hoàn cảnh ấy để được khách quan hoá thông qua lao động, hành vi hay cử chỉ”(13). Theo Xác-tơ-rơ, con người không phải là cái gì khác ngoài “sự sáng tạo liên tục ra bản thân mình thông qua lao động và thực tiễn...”(14). Hoạt động thực tiễn này tạo thành cấu trúc căn bản của con người và nhờ đó, con người vượt lên trên hoàn cảnh của mình. Ông viết: “Đó chính là cái mà chúng tôi gọi là sự hiện sinh. Và, chúng tôi hiểu sự hiện sinh này không phải là một thực thể ổn định, dựa vào bản thân mình, mà là sự mất cân bằng liên tục, là sự thoát vượt khỏi bản thân mình bằng mọi sức lực. Vì sự đột phá dẫn tới sự khách quan hoá này luôn có những hình thức đa dạng sao cho phù hợp nhất với các cá thể, vì nó tạo ra ta thông qua những khả năng mà một số được hiện thực hoá, còn số khác lại bị bỏ qua, nên ta cũng gọi nó là sự lựa chọn hay tự do”(15). Rằng, do con người thường xuyên vươn vượt lên trên (siêu việt hoá) hoàn cảnh của mình, nên “triết học siêu việt cần trở thành triết học mang tính cách mạng”(16).

Với quan niệm này, Xác-tơ-rơ khẳng định chủ nghĩa duy vật không thể là triết học như vậy, vì nó không thể hiểu được sự siêu việt hoá hoàn cảnh do việc cứ khư khư

(11) Gi.P.Xác-tơ-rơ. *Tình huống III*. Sđd., tr.163.

(12) Gi.P.Xác-tơ-rơ. *Tình huống III*. Sđd., tr.225.

(13) Gi.P.Xác-tơ-rơ. *Phê phán lý tính biện chứng*, t.1. Paris, 1950, tr.95.

(14) Gi.P.Xác-tơ-rơ. *Tình huống III*. Sđd., tr.95.

(15) Gi.P.Xác-tơ-rơ. *Tình huống III*. Sđd., tr.95.

(16) Gi.P.Xác-tơ-rơ. *Tình huống III*. Sđd., tr.196.

bám giữ lập trường quyết định luận. Theo ông, quyết định luận gắn liền với chủ nghĩa quy giản, bởi sự lý giải theo nguyên lý nhân quả có nghĩa là quy cái phức tạp về cái đơn giản, cái cao hơn về cái thấp hơn(17). Cũng theo ông, những người bảo vệ quyết định luận cơ giới muốn quy thực tiễn, sự sáng tạo về việc dựng lại thực tại đơn giản của cuộc sống con người. Họ muốn lý giải sự sáng tạo, hành vi hay lập trường thông qua những nhân tố quy định chúng; rằng, khát vọng giải thích của họ đã che đậy ý định đánh đồng cái phức tạp với cái đơn giản, phủ định tính đặc thù của các cơ cấu và quy sự biến đổi về sự đồng nhất. Điều này có nghĩa là sa xuống trình độ của quyết định luận duy khoa học.

Quan điểm quyết định luận này thực sự không thể giải thích được sự xuất hiện của cái mới trong quá trình hoạt động của con người. Nhưng, Xác-tơ-rơ đã có lý khi khẳng định sự không dung hợp giữa triết học của thực tiễn cách mạng với quyết định luận máy móc. Và, từ thực tế quyết định luận này là một bộ phận cấu thành của triết học duy vật thế kỷ XVII - XVIII, Xác-tơ-rơ đã rút ra kết luận là không thể chấp nhận chủ nghĩa duy vật. Rõ ràng, kết luận này là hoàn toàn sai, bởi không phải cứ là chủ nghĩa duy vật thì tất phải gắn liền với quyết định luận máy móc và cũng không phải mọi sự từ bỏ quyết định luận này đều có nghĩa là phủ định chủ nghĩa duy vật. Tuy nhiên, kết luận sai lầm này của Xác-tơ-rơ đã cho phép chúng ta hiểu được khát vọng của ông muốn xây dựng "nhân học triết học" với tư cách triết học của hoạt động cải tạo, sáng tạo, đứng trên mọi triết học duy vật hay duy tâm.

Có thể nói, sự phê phán của Xác-tơ-rơ đối với chủ nghĩa duy vật đã nhằm trúng các khuynh hướng siêu hình, máy móc của nó, nhưng lại là sai trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa duy vật biện chứng. Kiên quyết bác bỏ chủ nghĩa quy giản, Ph.Ăngghen đã chỉ rõ, nhận thức một hình

thức vận động xác định không có nghĩa là quy nó về các hình thức thấp hơn, mà "là điều kiện không thể thiếu để hiểu hình thức vận động bậc cao" như là kết quả mới về chất của sự phát triển biện chứng(18).

Việc thừa nhận chủ nghĩa duy vật có thể tồn tại không cần đến cơ giới luận và lối tư duy siêu hình đã bác bỏ tận gốc toàn bộ luận cứ của Xác-tơ-rơ trong việc chống lại chủ nghĩa duy vật. Thế nhưng, khi không thừa nhận sự thực đó, Xác-tơ-rơ đã cho rằng, chủ nghĩa duy vật biện chứng không phải là một học thuyết triết học thực sự tồn tại, mà chỉ là tên gọi biểu thị một mong muốn không thể thực hiện được là hợp nhất chủ nghĩa duy vật với phép biện chứng, bởi chúng là những cái không thể dung hợp được (Thực ra, vào những năm 50, Xác-tơ-rơ thừa nhận chúng có thể dung hợp dưới hình thức chủ nghĩa duy vật lịch sử. Và, theo cố Giáo sư Trần Đức Thảo, "có thể những trao đổi về quan điểm trước đây vào mùa đông năm 1949 - 1950 (giữa cố Giáo sư Trần Đức Thảo và Xác-tơ-rơ - T.G.) đã góp phần vào sự tiến bộ của ông ta theo hướng hợp tác với những người cộng sản"(19)).

Theo Xác-tơ-rơ, nếu các nhà triết học thừa nhận phép biện chứng, thì họ không thể là các nhà duy vật mà không rơi vào mâu thuẫn lôgic. Vì họ là các nhà duy vật, nên họ sẽ mâu thuẫn với bản chất của triết học của họ khi cố đưa phép biện chứng vào triết học. Hơn nữa, ông cho rằng, các nhà triết học duy vật đã vô tình chuyển sang lập trường duy tâm chủ nghĩa ở những luận điểm biện chứng của mình. Ông viết: "Thực sự cần phải thừa nhận rằng, chủ nghĩa duy vật đã chuyển thành chủ nghĩa duy tâm, khi nó muốn trở thành chủ nghĩa duy vật biện chứng".

(17) Xem: Gi.P.Xác-tơ-rơ. *Tình huống III*. Sđđ., tr.156.

(18) Xem: Nguyễn Trọng Chuẩn. *Tác phẩm "Biện chứng của tự nhiên" và ý nghĩa hiện thời của nó*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.47.

(19) Trần Đức Thảo. *Sđđ.*, tr.141.

àng, khi vật chất được coi như một cái gì đó có mâu thuẫn nội tại, đang phát triển, chuyển từ các hình thức thấp lên các hình thức cao, thì nó sẽ mang các đặc điểm của ư duy và qua đó, “vật chất trở thành ý niệm”(20).

Cuộc luận chiến chống lại các nhà mácxít trong bối cảnh mà “ngay cả đối với triết học Mác, ông ta cũng không hiểu nó một cách nghiêm túc”(21) đã buộc Xác tốp rời bước vào lĩnh vực “triết học của khoa học tự nhiên” hoàn toàn xa lạ với định hướng triết học cơ bản của ông. Ở đâu mà ông càng cố phủ định biện chứng của tự nhiên dựa trên những dữ liệu kinh nghiệm, thì ở đó, ông lại càng bộc lộ sự khiếm khuyết trong tri thức khoa học hiện đại về vật chất và vận động. Chẳng hạn, ông đã viết về vật chất như sau: “Đặc trưng của vật chất là sức ỳ. Điều này có nghĩa là nó không thể tự sinh ra một cái gì. Nó là tác nhân của vận động và năng lượng, nhưng vận động và năng lượng bao giờ cũng đến với nó từ bên ngoài: nó thu nạp chúng và lại hoàn trả chúng ra ngoài”(22). Đây là quan niệm về vật chất ở thế kỷ XVII đã bị các nhà mácxít bác bỏ khi dẫn ra vô số dữ liệu khoa học hiện đại chứng tỏ giới tự nhiên cũng rất biện chứng.

Khi những dữ liệu của khoa học tự nhiên chứng tỏ một cách rõ ràng tính mâu thuẫn nội tại trong những hiện tượng và quá trình tự nhiên, trong những biến hoá lượng - chất, trong phát triển, thì Xác tốp luôn tuyên bố (từ lập trường hiện tượng học) con người không thể biết về tự nhiên tự nó. Theo ông, “nguyên tắc “tự nhiên mang tính biện chứng” hiện vẫn chưa hoàn toàn được kiểm chứng”(23).

Tuy nhiên, Xác tốp còn đưa ra một khuynh hướng luận chứng khác: những hiện tượng tự nhiên có thể có mâu thuẫn nội tại, nhưng không nên xem chúng như các hệ thống chỉnh thể. Theo ông, khái niệm “chỉnh thể” là “đầu tàu” của toàn bộ

phép biện chứng. Trong chỉnh thể, những hiện tượng bao giờ cũng thống nhất, liên hệ với nhau một cách nội tại và do vậy, sự hiện diện của một hiện tượng này sẽ làm thay đổi cơ sở sâu xa nhất của hiện tượng khác.

Theo chúng tôi, không thể tán thành việc tuyệt đối hoá như vậy đối với khái niệm “chỉnh thể”. Trên thực tế và về thực chất, phép biện chứng là nguyên tắc thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập. “Chỉnh thể” là một phạm trù lệ thuộc vào nguyên tắc này, song ý nghĩa quan trọng của nó trong quan điểm biện chứng về tồn tại là không thể bác bỏ. Qua việc chứng minh mối liên hệ và sự lệ thuộc lẫn nhau phổ biến giữa những hiện tượng tự nhiên, các nhà mácxít đã coi tự nhiên như một chỉnh thể mà trong khuôn khổ của nó, còn có vô số chỉnh thể ở cấp độ khác.

Mọi thử nghiệm của Xác tốp dựa trên những sự kiện kinh nghiệm để luận chứng cho luận điểm sai lầm về việc không thể áp dụng khái niệm “chỉnh thể” vào tự nhiên đều bị phá sản. Tuy thừa nhận tính chỉnh thể của giới tự nhiên hữu cơ, song ông vẫn khẳng định trong giới tự nhiên vô cơ chỉ có những tổng thể mang tính chất riêng biệt, còn nếu cố gắng nắm bắt toàn bộ tự nhiên, chúng ta chỉ có thể nhận được “hệ thống của các hệ thống và hàng loạt những sự kiện chỉ có thể được lý giải bằng cách buộc phải vi phạm sự thống nhất của chúng”(24).

Xác tốp đã thường viện dẫn C.Mác(!) để nói về tính đặc thù của “chỉnh thể”. Theo Xác tốp, “khi Mác xác định tiến trình biện chứng của lịch sử, ông đã xuất phát từ chỗ cho rằng, các quan hệ sản xuất tạo ra một chỉnh thể. Đó là điểm căn bản. Các

(20) Gi.P.Xác tốp. *Tình huống III*. Sđd., tr.166.

(21) Trần Đức Thảo. *Sđd.*, tr. 140.

(22) Gi.P.Xác tốp. *Tình huống III*. Sđd., tr.145.

(23) Gi.P.Xác tốp. *Tình huống III*. Sđd., tr.125.

(24) Gi.P.Xác tốp. *Chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa hiện sinh*. Pari, 1962, tr.100.

quy luật biện chứng ở đây là điều có thể hiểu được, bởi chúng là sự đặc thù hoá của quá trình chỉnh thể hoá vốn thường xuyên lặp lại và tạo ra xã hội với tư cách một chỉnh thể". Thế nhưng, quá trình chỉnh thể hoá tạo ra xã hội lại chính là thực tiễn của con người, do vậy "quy luật biện chứng là sự chỉnh thể hoá xã hội bởi bản thân chúng ta và là sự chỉnh thể hoá bản thân chúng ta bởi vận động xã hội. Ngoài ra, biện chứng không phải là cái gì khác hơn ngoài thực tiễn"(25). Bằng cách đó, đặc trưng cơ bản của "chỉnh thể" đã được xác định; nó đem lại cho "chỉnh thể" tính chất biện chứng - đó là hoạt động hướng đích của con người. Theo đó, "chỉnh thể" đích thực luôn mang tính mục đích luận và do vậy, "cần phải tìm kiếm biện chứng trong quan hệ của con người với tự nhiên, với những điều kiện xuất phát và trong quan hệ giữa người với người. Đây chính là nguồn gốc của biện chứng..."(26).

Như vậy, với Xáctơơ, biện chứng là quy luật phát triển của thực tại lịch sử và là quy luật phát triển của nhận thức định hướng vào thực tại ấy. Với quan điểm này, Xáctơơ đã chỉnh lý luận điểm phủ nhận chủ nghĩa duy vật biện chứng mà ông đưa ra trong các tác phẩm đầu tay. Vào những năm 50 của thế kỷ XX, khi biểu thị sự nhất trí với chủ nghĩa duy vật lịch sử, Xáctơơ đã tuyên bố: không thể có chủ nghĩa duy vật với tư cách phép biện chứng về tự nhiên, nhưng nó lại là có thể với tư cách học thuyết về biện chứng của xã hội. Chủ nghĩa duy vật biện chứng "nếu tồn tại thì chỉ có thể là chân lý trong khuôn khổ thế giới xã hội của chúng ta". Rằng, "có chủ nghĩa duy vật lịch sử và quy luật của chủ nghĩa duy vật này là phép biện chứng"(27).

Như vậy, có thể nói, ngay từ đầu, Xáctơơ đã khẳng định vận động biện chứng chỉ có thể dựa trên hoạt động hướng đích của con người với tư cách cái mang lại tính chỉnh thể đích thực cho vận động ấy. Với quan niệm

mang tính định kiến này, ông đã phủ định khả năng tồn tại biện chứng của tự nhiên, bởi theo ông, trong tự nhiên không có hoạt động hướng đích tự giác.

Chúng ta dễ dàng nhận thấy rằng, cách thức mà Xáctơơ phủ định biện chứng của tự nhiên dường như đã tái hiện phương pháp cho phép ông phủ định tính biện chứng của tồn tại tự nó trong *Tồn tại và hư vô*. Trên thực tế, nếu ở tác phẩm này, xuất phát từ tính chất tích cực của tồn tại cho nó, Xáctơơ rút ra kết luận tồn tại tự nó là thụ động, thì khi xuất phát từ thực tế hoạt động hướng đích của con người vốn mang tính biện chứng, ông đã rút ra kết luận rằng: mọi hoạt động khác (không phải của con người) đều không thể có tính chất biện chứng. Nếu trước đó, Xáctơơ coi các đặc trưng về tính tích cực của tồn tại cho nó là điều kiện bắt buộc của mọi tính tích cực, thì giờ đây, ông đã biến những đặc trưng về hoạt động con người thành điều kiện bắt buộc của mọi vận động biện chứng.

Như vậy, có thể nói, "phản biện chứng của tự nhiên" mà Xáctơơ đưa ra hoàn toàn không dựa vào những sự thực đặc trưng cho thực tại khách quan. Dưới nhãn quan của ông, mọi loại chủ nghĩa kinh nghiệm đều tầm thường, chỉ chủ nghĩa tiên nghiệm là đáng kể. Trên thực tế, sự tách rời một cách thái quá khỏi dữ liệu khoa học tự nhiên thực nghiệm đã làm cho việc phủ định biện chứng của tự nhiên mà Xáctơơ đưa ra trở thành vô căn cứ dưới con mắt của những người tiếp thu tri thức về tự nhiên không phải từ các kết cấu trừu tượng, mà từ việc nghiên cứu về bản thân tự nhiên. □

(25) Gi.P.Xáctơơ. *Chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa hiện sinh*. Sđd., tr.16, 17.

(26) Gi.P.Xáctơơ. *Phê phán lý tính biện chứng*. Sđd., t.1, tr.68.

(27) Gi.P.Xáctơơ. *Phê phán lý tính biện chứng* Sđd., tr.129, 130.